

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN TIỂU CẦN**  
**TỈNH TRÀ VINH**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-09-2022

*“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con ”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Bé;**

2. Ông **Huỳnh Bửu Hòa;**

*Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.*

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Kiên Thị SB**, sinh năm 1997; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Địa chỉ: ấp Nê Có, xã SL, huyện ChTh, tỉnh Trà Vinh.

**Bị đơn:** Anh **Sơn R**, sinh năm 1996 (vắng mặt); Địa chỉ: ấp LNg, xã HT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

**Người phiên dịch:** Ông **Kim Trường Mu Ni** - Công tác tại BND ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh .(Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2022 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nguyên đơn chị Kiên Thị SB trình bày:

Vào 2017 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Sơn R và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT vào tháng 03/2017. Quá trình chung sống vợ

chồng chị có 01 người con chung tên Sơn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/12/2017 hiện cháu Tr đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị SB khai do anh Sơn R không lo cho gia đình vợ con, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, về nhà còn kiêm chuyện cự cãi vô cớ và xúc phạm đến danh dự chị rất nhiều lần làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và tôn trọng nhau, mạnh ai nấy sống, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Châu Thành để sinh sống và đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Sơn R.

Về con chung: Chị Kiên Thị SB yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/12/2017 đến đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh Sơn R phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiên Thị SB khai không có nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiên Thị SB đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 (một) căn cước công dân của chị Kiên Thị SB (Có đối chiếu đúng với bản gốc); 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình do cha ruột Chị SB là ông Kiên Chót làm chủ hộ, hộ khẩu mang số 03327880 ngày 15/11/2007 của Công an huyện Châu Thành cấp (Có công chứng); 01 (một) giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số: 31 ngày 14/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử cấp; 01 (một) giấy khai sinh của con chung Sơn Thị Ngọc Tr (bản sao).

Đối với bị đơn anh Sơn R sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 1 vào ngày 15/9/2022; lần 2 vào ngày 28/9/2022 hợp lệ cho anh R nhưng anh R vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh R được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Kiên Thị SB xin ly hôn anh Sơn R nên đây là vụ kiện “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Sơn R có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Kiên Thị SB có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Sơn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh R vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Sơn R.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiên Thị SB và anh Sơn R xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của Chị SB và anh Sơn R là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ tháng 05 năm 2018 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án, Chị SB xác định giữa chị và anh Sơn R không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho chị Kiên Thị SB được ly hôn với anh Sơn R.

[4] Đối với con chung: Do Chị SB khai có một con chung tên Sơn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/12/2017 hiện đang sống chung với Chị SB. Chị SB yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị Ngọc Tr đến đủ 18 tuổi. Bởi vì từ lúc ly thân đến nay cháu Tr luôn chung sống với Chị SB và Chị SB không yêu cầu anh Sơn R cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Tr cho Chị SB tiếp tục nuôi dưỡng cũng là phù hợp về sự phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Tr. Hội đồng xét xử có giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng Chị SB không yêu cầu anh Sơn R cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiên Thị SB khai chị và anh Sơn R không có nợ chung và tài sản chung. Do Tòa án không thể làm việc trực tiếp với anh Sơn R để biết được ý kiến của anh Sơn R như thế nào về tài sản chung và nợ chung giữa anh Sơn R và chị Kiên Thị SB hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh Sơn R có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Kiên Thị SB thì anh Sơn R được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn với chị Kiên Thị SB

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Kiên Thị SB phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiên Thị SB, cho chị Kiên Thị SB được ly hôn với anh Sơn R.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/12/2017 cho Chị SB tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Anh Sơn R không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Sâm Bô không yêu cầu.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiên Thị SB khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Sơn R có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Kiên Thị SB thì anh Sơn R được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn với chị Kiên Thị SB

4. Về án phí: Chị Kiên Thị SB phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011427 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, như vậy Chị SB đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Kiên Thị SB, bị đơn anh Sơn R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Hiếu Tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Ngoan**